

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số mức hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44, khoản 45, khoản 46, khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 5 Điều 109; khoản 7, khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; khoản 2 Điều 1 Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 328/TTr-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2024,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thi hành một số nội dung tại Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 (sau đây viết tắt là Luật Đất đai) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm:

a) Khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai về mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai về mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư; cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

c) Khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai về suất tái định cư tối thiểu và việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu.

## 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; chủ đầu tư xây dựng công trình, dự án; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất.

### **Điều 2. Mức hỗ trợ**

#### **1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai.**

a) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền, thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như sau:

Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh đối với các loại đất: Toàn bộ diện tích đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản; Đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất ở, trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn.

Hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh đối với đất trồng cây lâu năm (không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này) và đất trồng rừng sản xuất.

b) Trường hợp cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai được cơ quan có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật,

thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ nhưng không trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh.

c) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại các điểm c, điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh.

**2. Hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai.**

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu: Mỗi hộ gia đình còn thiếu được giao một (01) lô đất ở với diện tích nhỏ nhất và giá trị quyền sử dụng đất thấp nhất theo quy hoạch chi tiết xây dựng cấp có thẩm quyền đã phê duyệt có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư quy hoạch cho công trình, dự án đó hoặc khu tái định cư khác.

**3. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở một lần trong thời gian chờ bố trí tái định cư đối với người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai**

Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/tháng trong thời gian 06 tháng.

**4. Thưởng di chuyển:** Người có đất thu hồi phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới mà thực hiện di chuyển, bàn giao mặt bằng trước thời hạn so với kế hoạch theo thông báo của tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thì được thưởng một lần: 10.000.000 đồng.

**5. Hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai.**

a) Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở có diện tích nhỏ nhất và có giá trị quyền sử dụng đất thấp nhất trong khu tái định cư phục vụ cho công trình mà Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng cấp có thẩm quyền đã phê duyệt hoặc bằng tiền tính theo giá trị quyền sử dụng của 01 lô đất có giá trị thấp nhất trong khu tái định cư phục vụ cho công trình mà nhà nước thu hồi đất; trường hợp không phải xây dựng khu tái định cư thì tính theo công trình có khu tái định cư gần nhất.

b) Giá đất để tính giá trị suất tái định cư tối thiểu được xác định theo giá giao đất tại khu tái định cư phục vụ cho công trình, dự án phải thu hồi đất.

### **Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

Trường hợp đã có Thông báo thu hồi đất, đã kiểm kê thực tế, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, niêm yết công khai từ trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 và từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Quyết định thu hồi đất thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quyết định này bãi bỏ một số nội dung cụ thể sau:

a) Khoản 3 Điều 12; Điều 13; khoản 1, khoản 4 Điều 17; khoản 1 Điều 18; khoản 1, khoản 2 Điều 19 Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Khoản 5, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Như Điều 5;
- Báo Tuyên Quang;
- Đại PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh
- Công báo tỉnh
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, (Chính).

(báo cáo);

(đăng tải);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**